TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/DS-ST

Ngày: 15-4-2025

V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mai Chiến Trực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền

2. Ông Nguyễn Văn Hết

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 148/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: số 32 ấp L, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 2001 (có mặt).

Nơi cư trú: đường N, khu đô thị H, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Lê Hoàng L1, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú: số 344 ấp P1, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Ông Nguyễn Văn G và ông Lê Hoàng L1 có quen biết từ trước, tháng 9 năm 2021 ông L1 gọi điện xin gặp ông G để vay tiền nhằm xoay sở công việc làm ăn và giải quyết chuyện gia đình. Ông L1 hứa trả lãi suất đầy đủ, vì số tiền ông L1 cần vay

quá lớn nên ông G chưa có sẵn, cũng chưa dám hứa là sẽ cho mượn. Ông G thấy ông L1 hiện tại vì kinh doanh thua lỗ mà tinh thần suy sụp, cũng là anh em thân tình và hiểu rõ hoàn cảnh của ông L1 nên sau khi suy nghĩ, cân nhắc và bàn bạc với vợ của ông G thì ông G quyết định cho ông L1 mượn.

Ông G cũng đang gặp khó khăn, số tiền cho ông L1 vay là tiền mà ông G phải vay ở 1 người khác với lãi suất thấp, sau đó cho Luân vay với lãi suất cao hơn một chút để lấy lời.

Ngày 14/9/2021, ông G gọi ông L1 đến nhà để cho ông L1 vay 350.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay và ông L1 đã ký tên vào hợp đồng vay này. Nội dung hợp đồng vay thể hiện ông L1 có vay 350.000.000 đồng của ông G, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất mỗi tháng là 0,2%/tháng, nếu quá hạn không thể trả thì lãi suất chậm trả là 0,4%/tháng. Mục đích vay là để giải quyết chuyện gia đình.

Sau khi ký hợp đồng vay tiền và nhận đủ số tiền 350.000.000 đồng thì ông L1 chỉ trả được lãi suất được 3 tháng với số tiền là 4.500.000 đồng (mỗi tháng 1.500.000 đồng). Sau đó, ông L1 không trả lãi cũng như không trả tiền nợ gốc.

Ông G liên lạc nhiều lần nhưng không gặp được Luân, gọi điện và đến nhà đều không thể gặp mặt.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu giải quyết buộc ông Lê Hoàng L1 trả số tiền vay 350.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 15/3/2022 đến ngày 15/4/2025 theo lãi suất nhà nước quy định là 0.4% tháng với số tiền lãi là 51.800.000 đồng. Tổng số tiền ông G yêu cầu ông L1 trả là 401.800.000 triệu đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ ông Lê Hoàng L1 đến để tiến hành hòa giải nhưng ông L1 vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn G khởi kiện yêu cầu ông Lê Hoàng L1 trả tiền đã vay và ông L1 có địa chỉ cư trú tại huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Hoàng L1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông L1 vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông L1 theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Lê Hoàng L1 trả số tiền vay gốc 350.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là hợp đồng vay tiền ngày 14/9/2021.

Hợp đồng vay tiền ngày 14/9/2021 thể hiện bên cho vay là Nguyễn Văn G, bên vay là ông Lê Hoàng L1, sinh năm 1987, địa chỉ: số 344 ấp Phú Trạch 1, xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam tỉnh Bến Tre. Bên vay là ông Lê Hoàng L1 đã vay của bên cho vay là ông Nguyễn Văn G số tiền 350.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng (từ ngày 14/9/2021 đến ngày 14/3/2022) mục đích vay tiền là để giải quyết chuyện gia đình.

Xét thấy nội dung và mục đích của giấy vay tiền thấy rằng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự thì giao dịch vay tiền giữa ông G và ông L1 đủ kiện kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bên vay khi đến hạn. Hợp đồng vay tiền giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, đáp ứng đủ điều kiện được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định". Do đó, hợp đồng vay tiền giữa ông Nguyễn Văn G và ông Lê Hoàng L1 là hợp pháp.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông L1 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, đã được Tòa án triệu tập tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông L1 vẫn vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều đó cho thấy, ông L1 mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông L1 có vay của ông G số tiền 350.000.000 đồng là có thật. Đến hết thời hạn thanh toán nợ là ngày 14/3/2022 ông L1 không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ dân sự theo khoản 1 Điều 351 của BLDS "Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ" nên ông Nguyễn Văn G khởi kiện ông Lê Hoàng L1 yêu cầu phải thanh toán số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G, buộc ông Lê Hoàng L1 trả cho ông Nguyễn Văn G số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tiền lãi tính từ ngày 15/3/2022 đến ngày 15/4/2025 theo lãi suất là 0.4% tháng với số tiền lãi là 51.800.000 đồng.

Đối với thời gian yêu cầu tính lãi: xét thấy, thời hạn của hợp đồng vay là 06 tháng từ ngày 14/9/2021 đến ngày 14/3/2022, nguyên đơn thừa nhận bị đơn chỉ trả được 03

tháng tiền lãi với số tiền 4.500.000 đồng, do đó, nguyên đơn cầu tính lãi từ ngày 15/3/2022 là phù hợp.

Đối với lãi suất: theo khoản 5, Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau "Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này". Hợp đồng vay tiền giữa ông G và ông L1 có thỏa thuận mức lãi suất là 0.2%/tháng với thời hạn vay là 06 tháng, nếu quá hạn thì lãi suất được tính là 0,4%/tháng. Xét thấy, khi hết thời hạn vay mà bên vay là ông L1 đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vì vậy, ông G yêu cầu ông L1 phải trả lãi với mức lãi suất là 0.4%/tháng là không vượt quá quy định của pháp luật về lãi suất.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính từ ngày 15/3/2022 đến ngày 15/4/2025 theo lãi suất nhà nước quy định là 0.4% tháng với số tiền lãi là 51.800.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Lê Hoàng L1 trả cho ông Nguyễn Văn G số tiền tổng cộng là 401.800.000 đồng, trong đó gồm, tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi là 51.800.000 đồng.

[4] Về án phí:

Ông Lê Hoàng L1 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn G số tiền tổng cộng là 401.800.000 đồng nên phải chịu án phí là 20.000.000 đồng + (4% x 1.800.000) = 20.072.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn G được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.958.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn G đối với bị đơn ông Lê Hoàng L1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể là: buộc ông Lê Hoàng L1 có trách nhiệm trả cho Nguyễn Văn G số tiền tổng cộng là 401.800.000 (bốn trăm lẻ một triệu tám trăm nghìn) đồng. Trong đó gồm tiền nợ gốc là 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng và số tiền lãi là 51.800.000 (năm mươi mốt triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Lê Hoàng L1 phải nộp án phí là 20.072.000 (hai mươi triệu không trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Văn G được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.958.000 (chín triệu chín trăm năm mươi tám nghìn) đồng theo biên lai số 0008336 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: ông Nguyễn Văn G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Hoàng L1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Mai Chiến Trực

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiền **Nguyễn Văn Hết** **Mai Chiến Trực**